

Bản án số: **38/2025/HNGĐ-ST**

Ngày: 29 - 5 - 2025

V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NA HANG, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Hữu San

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nông Thị Sinh

Ông Quan Văn Ngụ

- Thư ký phiên tòa: Bà Duy Minh Hà – Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Ông Trần Quyết Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai theo hình thức số hóa vụ án thụ lý số 87/2024/TLST-HNGĐ, ngày 22/10/2024 về việc: Tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 22/4/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2025/QĐST – HNGĐ, ngày 12/5/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Bàn Thị S, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Thôn B, xã V, huyện N, tỉnh Tuyên Quang.

2. Bị đơn: Anh Đinh Ngọc X, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Thôn B, xã V, huyện N, tỉnh Tuyên Quang.

(Nguyên đơn chị Bàn Thị S có Đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt; bị đơn anh Đinh Ngọc X vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo nội dung Đơn khởi kiện, Bản tự khai và Đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt, nguyên đơn chị Bàn Thị S trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đinh Ngọc X tự do tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương và đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện N, tỉnh Tuyên Quang vào ngày 05/01/2009. Sau ngày cưới vợ chồng về chung sống tại thôn B, xã V, huyện N, tỉnh Tuyên Quang. Cuộc sống chung của hai vợ chồng chỉ hạnh phúc được khoảng 2 – 3 năm đầu, sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng về quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, vợ chồng không có tiếng nói chung trong làm ăn phát triển kinh tế gia đình, anh X có tính vũ phu nên

thường xuyên chửi bới, đánh đập, đe dọa giết chị. Mặc dù đã được hai bên gia đình khuyên giải nhiều lần nhưng vợ chồng vẫn không thể hóa giải mâu thuẫn mà ngày càng trầm trọng thêm. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng với anh Đinh Ngọc X đã hết, mục đích hôn nhân không đạt được nên không thể tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân để cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc, tiến bộ, nuôi dạy con cái trưởng thành được nữa. Vì vậy, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đinh Ngọc X, để giải phóng cho cả hai đi tìm cuộc sống hạnh phúc của riêng mình.

Về con chung: Quá trình chung sống chị và anh Đinh Ngọc X có 02 con chung là cháu Bàn Đình Nh, sinh ngày 04/10/2010 và cháu Bàn Đình E, sinh ngày 07/12/2018. Khi ly hôn chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung là cháu Bàn Đình Nh và Bàn Đình E đến tuổi trưởng thành. Chị không yêu cầu anh Đinh Ngọc X phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi các con chung cùng chị.

Về tài sản, đất đai chung: Quá trình chung sống vợ chồng chị tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về vay nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Trong Biên bản lấy lời khai, bị đơn anh Đinh Ngọc X trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Bàn Thị S tự do tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương, đăng ký kết hôn tại UBND xã V vào năm 2009. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống tại thôn B, xã V, huyện N, tỉnh Tuyên Quang. Cuộc sống chung của hai vợ chồng ban đầu hạnh phúc, đến khoảng đầu năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, tính tình không hợp nhau dẫn đến việc vợ chồng cãi vã, đánh chửi nhau khiến cho hai bên gia đình và chính quyền địa phương phải can thiệp. Hiện nay, mặc dù hai vợ chồng anh vẫn sống cùng nhà nhưng không còn quan tâm, yêu thương chăm sóc gì đến nhau. Vợ chồng tự ăn riêng, ngủ riêng, không còn có quan hệ tình cảm vợ chồng. Nay chị S khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh thì anh không nhất trí vì trong cuộc sống mặc dù vợ chồng anh có nhiều mâu thuẫn nhưng anh vẫn còn tình cảm với vợ. Hơn nữa, anh cũng muốn các con anh có đầy đủ bố mẹ để phát triển toàn diện.

Về con chung: Quá trình chung sống, anh và chị Bàn Thị S có 02 con chung là cháu Bàn Đình Nh, sinh ngày 04/10/2010 và cháu Bàn Đình E, sinh ngày 07/12/2018. Trường hợp bắt buộc phải ly hôn anh đề nghị vợ chồng anh mỗi người nuôi một con tùy theo nguyện vọng của các con và hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản, đất đai chung: Quá trình chung sống anh và chị Bàn Thị S có tạo lập được một số tài sản, đất đai chung. Trường hợp ly hôn thì anh và chị S sẽ tự thỏa thuận phân chia với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về vay nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ tại địa phương, nội dung thể hiện:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Bàn Thị S và anh Đinh Ngọc X tự do tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương, có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Sau khi cưới, vợ chồng chị S, anh X về chung sống tại thôn B, xã V, huyện N, tỉnh Tuyên Quang. Cuộc sống chung của

hai vợ chồng chỉ hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm sống, tính tình không hợp nhau. Anh X có tính vũ phu, thường đi uống rượu say sau đó về nhà chửi bới, đánh đập vợ con. Hai bên gia đình và thôn xóm đã nhiều lần can thiệp nhưng anh X vẫn không thay đổi. Có lần anh X còn dùng súng đe dọa giết chị S khiến cho Công an xã V phải can thiệp. Do đó, chính quyền địa phương nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị S và anh X đã đến mức độ trầm trọng, đề nghị Tòa án giải quyết yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Bàn Thị S đối với anh Đinh Ngọc X theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng chị Bàn Thị S và anh Đinh Ngọc X có 02 con chung là cháu Bàn Đình Nh, sinh ngày 04/10/2010 và cháu Bàn Đình E, sinh ngày 07/12/2018.

Về tài sản, đất đai chung: Quá trình chung sống vợ chồng chị Bàn Thị S, anh Đinh Ngọc X có tạo lập được một số tài sản, đất đai chung, nhưng cụ thể như thế nào thì địa phương không nắm được.

Về vay nợ chung: Quá trình chung sống vợ chồng chị Bàn Thị S, anh Đinh Ngọc X không có vay nợ chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Na Hang tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán thực hiện đúng quy định của Điều 28, 48 Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định đúng quan hệ tranh chấp, tư cách của người tham gia tố tụng; tiến hành xác minh, tổng đạt các văn bản cho đương sự, gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát đúng thời hạn quy định. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng trình tự, thủ tục được quy định tại chương XIV của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chị Bàn Thị S thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn anh Đinh Ngọc X chưa thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên hòa giải; vắng mặt tại phiên tòa không có lý do).

- Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Bàn Thị S:

+ Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Bàn Thị S được ly hôn với anh Đinh Ngọc X.

+ Về con chung: Giao hai con chung là cháu Bàn Đình Nh, sinh ngày 04/10/2010 và cháu Bàn Đình E, sinh ngày 07/12/2018 cho chị Bàn Thị S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Đinh Ngọc X không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung sau khi ly hôn.

+ Về tài sản, đất đai chung: Do nguyên đơn chị Bàn Thị S và bị đơn anh Đinh Ngọc X xác định tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

+ Về vay nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đều xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

+ Về án phí: Nguyên đơn chị Bàn Thị S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, tuy nhiên do chị Ssinh là người dân tộc thiểu số, sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên đề nghị Hội đồng xét xử miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn. Bị đơn anh Đinh Ngọc X không phải nộp tiền án phí.

Ngoài ra, Kiểm sát viên còn đề nghị Hội đồng xét xử tuyên quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và các chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về việc áp dụng pháp luật tố tụng dân sự:

Chị Bàn Thị S khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, giao nuôi con chung khi ly hôn với anh Đinh Ngọc X, do đó quan hệ pháp luật trong vụ án này được xác định là “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Đinh Ngọc X có hộ khẩu thường trú tại thôn B, xã V, huyện N, tỉnh Tuyên Quang. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Na Hang thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại các Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các tài liệu tố tụng (Thông báo về việc thụ lý vụ án; các Giấy triệu tập; Thông báo về việc mở phiên họp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải) theo quy định của pháp luật, mặc dù anh Đinh Ngọc X đã biết được việc chị Bàn Thị S khởi kiện xin ly hôn với mình, nhưng anh X không có mặt tại Tòa án để tham gia tố tụng. Sau khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Tòa án tiến hành triệu tập hợp lệ anh Đinh Ngọc X đến tham gia phiên tòa 02 lần nhưng bị đơn vẫn cố tình vắng mặt không có lý do chính đáng. Như vậy, đây được xem là trường hợp bị đơn cố tình vắng mặt, tự từ bỏ quyền lợi, trốn tránh nghĩa vụ của mình. Quá trình xét xử vụ án, nguyên đơn chị Bàn Thị S có Đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt cả nguyên đơn và bị đơn là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227 và các Điều 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc chấp hành pháp luật và thực hiện quyền, nghĩa vụ của đương sự:

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Bàn Thị S thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn anh Đinh Ngọc X chưa thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên hòa giải; vắng mặt tại phiên tòa không có lý do).

[3] Về nội dung vụ án:

* Về quan hệ hôn nhân: Chị Bàn Thị S và anh Đinh Ngọc X tự do tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương, đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện N, tỉnh Tuyên Quang vào ngày 05/01/2009. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận. Sau ngày cưới hai vợ chồng về chung sống tại thôn B, xã V, huyện N, tỉnh Tuyên Quang. Cuộc sống chung của hai vợ chồng ban đầu hạnh phúc. Đến đầu năm 2024 thì vợ chồng bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, vợ chồng thường xuyên cãi vã, đánh chửi nhau. Mặc dù đã được hai bên gia đình khuyên nhủ, chính quyền can thiệp, hòa giải nhiều lần nhưng vợ chồng vẫn không thể hóa giải mâu thuẫn. Chị S xác định mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức độ trầm trọng không thể hàn gắn nên đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh Đinh Ngọc X để giải phóng cho cả hai người đi tìm cuộc sống mới.

Trong Biên bản lấy lời khai, bị đơn anh Đinh Ngọc X cũng xác định vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ đầu năm 2024. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng về quan điểm sống, tính tình không hợp nhau dẫn đến việc vợ chồng cãi vã, đánh chửi nhau khiến cho hai bên gia đình và chính quyền địa phương phải can thiệp. Hiện tại, mặc dù hai vợ chồng vẫn sống cùng nhà nhưng không còn quan tâm, yêu thương chăm sóc gì đến nhau. Vợ chồng tự ăn riêng, ngủ riêng, không còn có quan hệ vợ chồng. Tuy nhiên, anh không nhất trí ly hôn với chị S vì cho rằng mình vẫn còn tình cảm với vợ. Ngoài ra, anh cũng không muốn vợ chồng ly hôn cho các con có đầy đủ bố mẹ, để phát triển toàn diện.

Hội đồng xét xử thấy rằng chị S và anh X phát sinh mâu thuẫn từ đầu năm 2024. Mặc dù đã được hai bên gia đình khuyên nhủ, chính quyền can thiệp, hòa giải nhiều lần nhưng vẫn không thể hóa giải mâu thuẫn. Vợ chồng đang sống cùng nhà một nhà nhưng không còn quan tâm, yêu thương chăm sóc gì đến nhau. Vợ chồng tự ăn riêng, ngủ riêng, không còn có quan hệ vợ chồng nên tình nghĩa vợ chồng trên thực tế không còn tồn tại. Anh X trình bày vẫn còn tình cảm với vợ nhưng không có bất kỳ biện pháp gì để cải thiện tình cảm vợ chồng. Quá trình giải quyết vụ án chị S kiên quyết yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh X để đi tìm cuộc sống mới. Điều đó thể hiện mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Bàn Thị S và anh Đinh Ngọc X đã đến mức độ trầm trọng không thể hàn gắn, không còn tồn tại một gia đình hạnh phúc, tiến bộ, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Bàn Thị S được ly hôn với anh Đinh Ngọc X là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng chị Bàn Thị S và anh Đinh Ngọc X có 02 con chung là cháu Bàn Đình Nh, sinh ngày 04/10/2010 và cháu Bàn Đình E, sinh ngày 07/12/2018. Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Bàn Thị S đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con và không yêu cầu anh X phải cấp dưỡng nuôi con chung. Trong biên bản lấy lời khai, bị đơn anh X trình bày trường hợp phải ly hôn anh đề nghị Tòa án giao cho anh và chị S mỗi người nuôi một con chung tùy theo nguyện vọng của các con, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Trong biên bản lấy lời khai, cháu Bàn Đình Nh thể hiện nguyện vọng được sống cùng mẹ là chị Bàn Thị S. Đối với cháu Bàn Đình E chưa đủ tuổi để thể hiện nguyện vọng muốn sống cùng bố hay cùng mẹ. Tuy nhiên, qua xác minh tại địa

phương thể hiện anh X có tính vũ phu, thường hay đi uống rượu say sau đó về nhà chửi bới, đánh đập vợ con. Do đó, để đảm bảo cho việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và phát triển toàn diện của con chưa thành niên, Hội đồng xét xử thấy rằng cần giao cả hai con chung là cháu Bàn Đình Nh và cháu Bàn Đình E cho chị Bàn Thị S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Đình Ngọc X không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung sau khi ly hôn theo quy định tại Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về tài sản, đất đai chung: Quá trình giải quyết vụ án, cả nguyên đơn chị Bàn Thị S và bị đơn anh Đình Ngọc X đều xác định tự thỏa thuận phân chia tài sản, đất đai chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

Về vay nợ chung: Qua kết quả xác minh tại địa phương và lời khai của các đương sự thể hiện vợ chồng chị Bàn Thị S và anh Đình Ngọc X không có vay nợ chung nên Hội đồng xét xử cũng không xem xét.

[4] Về án phí và quyền kháng cáo bản án:

Nguyên đơn chị Bàn Thị S phải nộp án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được miễn do là người dân tộc thiểu số, sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Bị đơn anh Đình Ngọc X không phải nộp án phí. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Bàn Thị S.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Bàn Thị S được ly hôn với anh Đình Ngọc X (*Giấy chứng nhận kết hôn số 31, ngày 05/01/2009 tại UBND xã V, huyện N, tỉnh Tuyên Quang*).

2. Về con chung: Giao cháu Bàn Đình Nh, sinh ngày 04/10/2010 và cháu Bàn Đình E, sinh ngày 07/12/2018 cho chị Bàn Thị S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Đình Ngọc X không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung sau khi ly hôn.

3. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn chị Bàn Thị S. Bị đơn anh Đình Ngọc X không phải nộp tiền án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Bàn Thị S và bị đơn anh Đình Ngọc X được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày, kể

từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Na Hang;
- Chi cục THADS huyện Na Hang;
- UBND xã V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Hữu San